

## VOCABULARY TEST

### UNIT 3. WRITING TAS 1 (2)

#### Question 1-5

Fill in the gaps, using comparatives and superlatives and the given words.

1. From 1999 to 2004, the immigration rate rose by nearly 150,000 people, but there was a much \_\_\_\_\_ rise in emigration. (small)
2. The graph also shows that England and Wales have far \_\_\_\_\_ part-time workers than Northern Ireland and Scotland. (many)
3. All in all, the Louvre Museum was the \_\_\_\_\_ attraction, with \_\_\_\_\_ between approximately 8 and 9 million visitors each year. (popular)
4. South Korea has the \_\_\_\_\_ rate of male employment – approximately 75% in 2005, rising slightly to about 78% in 2015 – and Canada has the \_\_\_\_\_ – just over 60% in 2005 and 70% in 2015. (high, low)
5. Russia is the second \_\_\_\_\_, winning approximately 1,800 medals. (high)

#### Question 6-10

Use ***the number of, the amount of or the percentage of*** to complete these sentences.

6. \_\_\_\_\_ daily calories per person in Peru was 1927
7. \_\_\_\_\_ satisfied and very satisfied visitors were 30% and 40% respectively.
8. \_\_\_\_\_ money spent on ice cream in the USA rose from \$12 million to \$14 million.
9. \_\_\_\_\_ students playing video games in their free time is highest
10. \_\_\_\_\_ goods transported by road was highest

### Question 11-15

Translate these sentences into English.

11. Biểu đồ so sánh sự tăng trưởng trong phần trăm dân số sống ở khu vực đô thị ở 6 khu vực khác nhau trên thế giới.

---

---

12. Biểu đồ đường so sánh phần trăm số người ở 3 quốc gia sử dụng Internet giữa năm 1999 và 2009.

---

---

13. Vào năm 2005, việc sử dụng Internet ở cả 2 quốc gia Mỹ và Canada đã tăng lên tới khoảng 70% dân số, trong khi con số đó ở Mexico chỉ đạt ở mức 25%.

---

---

14. Tỉ lệ li hôn đạt đỉnh điểm vào năm 1980 ở mức gần 1.5 triệu vụ li hôn, trước khi giảm về 1 triệu vào cuối thời kỳ.

---

---

15. Từ năm 1980 tới 1990, số nhà khoa học ở các nước phát tăng gần gấp đôi tới mức khoảng 70/1000 người.

---

---